

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/LĐ-PT
Ngày 03-01-2025
V/v tranh chấp về xử lý kỷ luật theo
hình thức sa thải

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLPT-LĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp về xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/LĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Khải V, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Số B Hồ N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Số B M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Bà Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: P.602, B M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH K. Địa chỉ trụ sở chính: Nhà xưởng A1, khu nhà xưởng xây sẵn Lô B, KCN L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông L - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Số C T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Số G đường N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Lâm Khải V do bà Nguyễn Ngọc Trâm A là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Lâm Khải V làm việc tại Công ty TNHH K (gọi tắt là Công ty K) từ tháng 6/2020 theo 03 hợp đồng lao động sau:

- Ngày 06/6/2020, ông V và Công ty K ký Hợp đồng lao động số 03/2020-JU YUAN, thời hạn 12 tháng, từ ngày 06/6/2020 đến ngày 05/6/2021, thời giờ làm việc tương ứng 24 ngày/tháng, mức lương cơ bản 9.000.000đ/tháng, phụ cấp chức vụ 800.000đ/tháng và các phúc lợi khác như bữa trưa 500.000đ/tháng, trợ cấp nhà ở 300.000đ/tháng, chuyên cần 500.000đ/tháng, thưởng bình bầu 2.900.000đ/tháng. Các chế độ khác như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được hưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Ngày 06/6/2021, hết thời hạn hợp đồng lao động trên, ông V tiếp tục ký hợp đồng lao động lần 2 số 04/2021-JU YUAN, thời hạn 12 tháng, từ ngày 07/6/2021 đến ngày 07/6/2022, chức vụ Trợ lý văn phòng, thời giờ làm tương ứng 24 ngày/tháng, mức lương cơ bản 9.000.000đ/tháng, phụ cấp chức vụ 800.000đ/tháng và các phúc lợi khác như bữa trưa 500.000đ/tháng, trợ cấp nhà ở 300.000đ/tháng, chuyên cần 500.000đ/tháng, thưởng bình bầu 3.400.000đ/tháng. Các chế độ khác như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được hưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Ngày 01/6/2022, Công ty K tiếp tục ký với ông V theo Hợp đồng lao động số 08/2022-JU YUAN, thời hạn 36 tháng, từ ngày 01/6/2022 đến ngày 01/6/2025, chức vụ Tổ trưởng tổ kiểm phẩm, thời gian làm việc từ thứ hai đến thứ bảy, ca sáng từ 08 giờ đến 12 giờ, ca chiều từ 13 giờ đến 17 giờ, tương ứng 24 ngày/tháng, mức lương cơ bản 9.000.000đ/tháng, phụ cấp chức vụ 1.300.000đ/tháng và các phúc lợi khác như bữa trưa 500.000đ/tháng, trợ cấp nhà ở 300.000đ/tháng, chuyên cần 500.000đ/tháng, thưởng bình bầu 3.900.000đ/tháng. Các chế độ khác như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được hưởng theo quy định của pháp luật hiện hành với mức lương tham gia đóng là 10.300.000 đồng/tháng. Cùng ngày này, ông V và Công ty K ký kết thêm mẫu thỏa thuận bảo mật của nhân viên công ty.

Nhận thấy các hợp đồng lao động đã ký kết dựa trên sự thỏa thuận tự nguyện về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng và được giao kết bằng văn bản, thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 13, 14, 15, 21 và Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2019. Do đó, các hợp đồng lao động nêu trên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quan hệ lao động giữa ông V và Công ty K. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều

20 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì người sử dụng lao động chỉ được quyền ký kết với người lao động hợp đồng xác định thời hạn tối đa hai lần, sau đó người lao động tiếp tục làm việc thì phải ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Do đó, Hợp đồng lao động số 08/2022-JU YUAN ký kết lần 3 phải thuộc loại hợp đồng không xác định thời hạn.

Thực hiện hợp đồng lao động đã ký kết, ông V vẫn đến công ty làm việc thường xuyên, tuân thủ chấp hành đúng, đầy đủ quy định của công ty, hoàn thành các công việc được giao, chưa bị lập biên bản về bất kỳ hành vi vi phạm nào, luôn tận tâm trong công việc, đoàn kết, hợp tác tốt với đồng nghiệp và cấp trên, chưa từng bị xử lý kỷ luật lao động. Ông V cũng không nhận được bất kỳ thông báo mời họp xử lý kỷ luật lao động nào từ Công ty K, không tham gia, ký tên bất kỳ biên bản xử lý kỷ luật lao động nào cho đến ngày 06/3/2023 ông V bất ngờ nhận được thông báo cho nghỉ việc và nhận Quyết định sa thải số 01/2023-JU YUAN với lý do không hoàn thành công việc. Như vậy, Công ty K không thực hiện bất kỳ trình tự, thủ tục nào để sa thải, quyết định sa thải ông V là trái pháp luật. Công ty K đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Theo đó Công ty K phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người lao động theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 và bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của thỏa thuận bảo mật về chấm dứt hợp đồng lao động không có lý do chính đáng.

Vì vậy ông V khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 01/2023-Ju Yuan ngày 06/3/2023 của Công ty K về việc sa thải ông V.

- Nhận người lao động trở lại làm việc, trường hợp Công ty K không muốn nhận lại người lao động thì phải bồi thường thêm 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động để chấm dứt là $10.300.000\text{đ}/\text{tháng} \times 2 \text{ tháng} = 20.600.000\text{đ}$; thanh toán tiền lương cho những ngày ông V không được làm việc từ ngày 07/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lương là $10.300.000\text{đ}/\text{tháng}$; bồi thường thêm 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là $10.300.000\text{đ}/\text{tháng}$ với số tiền là $20.600.000\text{đ}$; thanh toán tiền lương theo hợp đồng lao động do vi phạm quy định về thời hạn báo trước 45 ngày là $10.300.000\text{đ}/24 \text{ ngày} \times 45 \text{ ngày} = 19.312.500\text{đ}$; Buộc Công ty K nộp truy thu các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian ông V không được làm việc từ ngày 07/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lương là $10.300.000\text{đ}$; bồi thường $9.000.000\text{đ}$ vì chấm dứt hợp đồng lao động không có lý do chính đáng theo thỏa thuận bảo mật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH K do ông Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty K có ký Hợp đồng lao động số 08/2022-Ju Yuan ngày 01/6/2022 với ông Lâm Khải V, thời hạn là 36 tháng đến ngày 01/6/2025 với mức lương thỏa thuận là $9.000.000\text{đ}/\text{tháng}$. Trong quá trình lao động, ông V thường xuyên không hoàn thành công việc được giao nên Giám đốc công ty đã ban hành Quyết định sa thải số 01/2023 ngày 06/3/2023 đối với ông V. Sau khi ký quyết định sa thải nêu trên Công ty đã bồi thường cho ông V 02 tháng tiền lương với số tiền là $18.000.000\text{đ}$, thưởng Tết là $4.500.000\text{đ}$. Sau khi nhận quyết định sa thải, ông V đã

nhận tiền bồi thường, tiền thưởng và không khiếu nại gì đối với quyết định sa thải nêu trên nên Công ty không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày.

Bị đơn Công ty K do ông Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông V là nguyên đơn nhưng ông V không tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án theo quy định mà ủy quyền cho Công ty L1, tuy nhiên, sau khi Công ty L1 nhận ủy quyền từ ông V thì Công ty L1 tiếp tục ủy quyền lại cho cá nhân bà Nguyễn Ngọc Trâm A là không đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 do vượt quá nội dung và phạm vi ủy quyền của ông V và Công ty L1, theo quy định tại Điều 564 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì văn bản ủy quyền giữa Công ty L1 với bà Trâm A phải được công chứng hoặc chứng thực. Do đó, bà Trâm A không có tư cách tham gia tố tụng là người đại diện theo ủy quyền của ông V. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn có mặt tại Tòa án theo các lần triệu tập gồm: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA ngày 13/5/2024 yêu cầu có mặt tại tòa vào lúc 14 giờ ngày 31/5/2024 để tham gia phiên họp nhưng bà A vắng mặt. Theo thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần hai số 01/TB-TA ngày 31/5/2024 yêu cầu có mặt tại tòa vào lúc 09 giờ ngày 13/6/2024 để tham gia phiên họp, tuy nhiên bà A không có mặt; ngày 13/6/2024 Tòa án triệu tập phiên tòa sơ thẩm vào ngày 05/7/2024 thì bà A lại tiếp tục vắng mặt. Bà A được Tòa án triệu tập họp lệ ba lần liên tiếp tuy nhiên vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 86; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án, đình chỉ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông V do ông V và người đại diện của ông V đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt. Trong trường hợp Hội đồng xét xử không đình chỉ giải quyết vụ án thì Công ty K xác định Quyết định số 01/2023-Ju Yuan ngày 06/3/2023 về việc sa thải đối với ông V là hình thức sa thải chứ không phải đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông V như bà Trâm A trình bày. Do ông V có hành vi tiết lộ bí mật công nghệ của công ty và thường xuyên nói xấu lãnh đạo công ty được nhân viên công ty phản ánh lại với ban lãnh đạo công ty nên giữa công ty và ông V đã có thỏa thuận với nhau là công ty sẽ ra quyết định sa thải với lý do là ông V không hoàn thành công việc để ông V thuận lợi khi tìm việc làm khác, thỏa thuận không có lập biên bản, do ông V đồng ý nên khi công ty bồi thường hai tháng tiền lương là 18.000.000đ, trả nửa tháng tiền thưởng Tết năm 2022 là 4.500.000đ, tổng cộng là 22.500.000đ và nhận Quyết định sa thải số 01 ngày 06/3/2023 thì ông V không có ý kiến gì, nhưng đến ngày 15/11/2023 ông V lại khởi kiện cho rằng công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và yêu cầu bồi thường là không có cơ sở nên Công ty K xác định không đồng ý nhận lại ông V làm việc và không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/LĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Khải V như sau:

Hủy quyết định số 01/2023-Ju Y về việc cho sa thải đối với nhân viên của Công ty TNHH K ngày 06/3/2023.

Hợp đồng lao động số 08/2022-Ju Yuan ngày 01/6/2022 giữa ông Lâm Khải V với Công ty TNHH K chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 29/8/2024.

Buộc Công ty TNHH K phải tiếp tục chi trả tiền lương, tiền bồi thường cho ông V với số tiền là 205.853.000đ.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Công ty TNHH K và ông Lâm Khải V có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông V từ ngày 07/3/2023 đến ngày 29/8/2024 với mức lương đóng bảo hiểm là 10.300.000đ/tháng theo mã số BHXH số 7908261161.

Công ty TNHH K còn phải chịu lãi suất do chậm đóng bảo hiểm xã hội với mức lãi suất theo quy định của pháp luật Bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Khải V về việc yêu cầu Công ty TNHH K thanh toán tiền lương theo hợp đồng lao động do vi phạm quy định về thời hạn báo trước 45 ngày với số tiền là 19.312.500đ.

3. Không chấp yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Khải V về việc yêu cầu Công ty TNHH K bồi thường số tiền 9.000.000đ như thỏa thuận tại Điều 2 trong thỏa thuận bảo mật của nhân viên công ty ký ngày 01/6/2022 giữa Công ty TNHH K và ông Lâm Khải V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 12/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc nhận được đơn kháng của Công ty K đề ngày 09/9/2024 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn Công ty K do ông Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án bởi ông V chỉ ủy quyền cho Công ty L1 nhưng Công ty L1 lại ủy quyền cho bà Trâm A là vượt quá nội dung và phạm vi ủy quyền của ông V nên bà Trâm A không có tư cách tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trâm A được Tòa án sơ thẩm triệu tập họp lệ ba lần liên tiếp tuy nhiên vẫn vắng mặt nên lẽ ra

Tòa sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết vụ án nhưng Tòa sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Lâm Khải V do bà Nguyễn Ngọc Trâm A trình bày: Phía bị đơn cho rằng việc bà được ủy quyền lại là vượt quá nội dung và phạm vi ủy quyền là không đúng, bởi trong quá trình giải quyết vụ án, ông V cũng đã đồng ý việc bà nhận ủy quyền lại. Đối với việc vắng mặt của phía nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn cũng có mặt theo giấy triệu tập nhưng do bị đơn vắng mặt nên đã yêu cầu không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ, tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn có vắng mặt nhưng có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do khách quan nên không thể dựa vào những căn cứ này để đình chỉ giải quyết vụ án như phía bị đơn trình bày. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Xét thấy việc bà Trâm A nhận ủy quyền lại được nguyên đơn đồng ý, việc phía nguyên đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm không thuộc trường hợp đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định như phía bị đơn trình bày nên kháng cáo của bị đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 32, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Về phạm vi ủy quyền của ông V: Tại Giấy ủy quyền ngày 15/11/2023 giữa ông V với Công ty L1 thì không có nội dung Công ty L1 ủy quyền lại cho

người thứ ba, tuy nhiên ông V đã có Bản tự khai ngày 13/5/2024 đồng ý cho Công ty L1 ủy quyền lại cho bà Trâm A. Do đó Tòa sơ thẩm chấp nhận việc ủy quyền này là phù hợp, kháng cáo này của Công ty K là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án do ông V được triệu tập hợp lệ 2 lần mà vẫn vắng mặt: Xét thấy, Tòa sơ thẩm có Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 31/5/2024 nhưng người đại diện theo ủy quyền của Công ty K vắng mặt, Tòa án tiếp tục thông báo lần 2 vào ngày 13/6/2024 thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử là phù hợp. Ngày 13/6/2024, Tòa sơ thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử, mở phiên tòa vào ngày 05/7/2024. Ngày 03/7/2024, người đại diện theo ủy quyền của ông V có đơn xin hoãn phiên tòa. Do đó ngày 05/7/2024, Tòa sơ thẩm có Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-LĐ. Việc người đại diện theo ủy quyền của ông V vắng mặt trong trường hợp này không thuộc trường hợp đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy kháng cáo này của Công ty K là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông V: Xét thấy, Công ty K và ông V đã ký 02 hợp đồng lao động có thời hạn và đã thực hiện xong, đến lần thứ 3 ký Hợp đồng lao động số 08/2022-JU YUAN ngày 01/6/2022 có thời hạn 36 tháng là không phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Bộ luật Lao động năm 2019 mà phải ký hợp đồng không xác định thời hạn nên xác định hợp đồng này là hợp đồng không xác định thời hạn. Lý do Công ty K sa thải ông V theo Quyết định sa thải số 01/2023 ngày 06/3/2023 là do ông V không hoàn thành công việc. Căn cứ theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Lao động năm 2019 thì sa thải là một hình thức xử lý kỷ luật lao động và căn cứ để sa thải được quy định tại Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019. Đối chiếu với quy định trên thì lý do không hoàn thành công việc không phải là căn cứ để sa thải. Đồng thời trình tự thủ tục xử lý kỷ luật lao động hình thức sa thải phải được thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 125, 127 Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Công đoàn và Điều 70 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ. Tuy nhiên Công ty K không cung cấp được chứng cứ chứng minh quyết định sa thải là có căn cứ và trình tự, thủ tục ban hành đúng quy định nên quyết định này trái quy định pháp luật. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V hủy quyết định này và buộc Công ty K thanh toán, bồi thường cho ông V các khoản theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 với số tiền 205.853.000đ là có căn cứ.

[7] Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V về việc yêu cầu Công ty K bồi thường do vi phạm quy định về thời hạn báo trước là không đúng vì theo quy định tại Điều 73 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ thì *“Trường hợp người sử dụng lao động quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải trái quy định của pháp luật thì ... người sử dụng lao động có nghĩa vụ thực hiện quy định tại Điều 41 của Bộ luật Lao động”*. Theo đó, Công ty K phải trả một khoản tiền tương ứng với tiền lương theo hợp đồng lao động trong những ngày không báo trước. Tuy nhiên do ông V không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[8] Từ nhận định trên, xét thấy Công ty K kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ chứng minh để được xem xét nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[9] Về án phí phúc thẩm: Công ty K phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[10] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH K.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 04/2024/LĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Căn cứ các Điều 32, 35, 39, 266, 271, 273, 280 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 13, 14, 20, 21, 23, 41, 122, 124, 125 và 190 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 70 và 73 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; các Điều 12, 14, 26 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Khải V như sau:

- Hủy Quyết định số 01/2023-Ju Yuan ngày 06/3/2023 của Công ty TNHH K về việc cho sa thải đối với ông Lâm Khải V.

- Hợp đồng lao động số 08/2022-Ju Yuan ngày 01/6/2022 giữa ông Lâm Khải V với Công ty TNHH K chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 29/8/2024.

- Buộc Công ty TNHH K phải chi trả tiền lương, tiền bồi thường cho ông V với số tiền là 205.853.000đ (hai trăm lẻ năm triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Công ty TNHH K có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông V từ ngày 07/3/2023 đến ngày 29/8/2024 với mức lương đóng bảo hiểm là 10.300.000 đồng/tháng theo mã số BHXH số 7908261161.

Công ty TNHH K còn phải chịu lãi suất do chậm đóng bảo hiểm xã hội với mức lãi suất theo quy định của pháp luật Bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Khải V về việc yêu cầu Công ty TNHH K thanh toán tiền lương theo hợp đồng lao động do vi phạm quy định về thời hạn báo trước 45 ngày với số tiền là 19.312.500đ (mười chín triệu, ba trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Khải V về việc yêu cầu Công ty TNHH K bồi thường số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) như thỏa thuận tại Điều 2 trong thỏa thuận bảo mật của nhân viên công ty ký ngày 01/6/2022 giữa Công ty TNHH K và ông Lâm Khải V.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH K phải chịu 6.176.000đ (sáu triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động.

5. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về lao động. Khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Công ty TNHH K đã nộp theo Biên lai thu số 0013339 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, Công ty TNHH K đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc